TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST- HNGĐ	*Đan Phượng, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định mẹ cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:*

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp**:* Bà Trần Thị Thu

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 226/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "Yêu cầu xác định mẹ cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: 1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Cụm 5, xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 4, Krem, xã Hiệp A, huyện Đức Tr, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng; địa chỉ trụ sở: Cụm 7, xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Th – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hạ M huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là em gái của bà Nguyễn Thị T1 (Chết tháng 7/2019). Bố bà là Nguyễn Văn Ấ (chết năm 1990), mẹ bà là Nguyễn Thị Đ (chết năm 2014). Bố mẹ bà sinh được 4 người con là Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị T1 và bà. Bà T1 không lập gia đình nên chung sống cùng bố mẹ ở

cụm 3, xã Hạ M. Năm 2000, bà T1 chuyển vào tỉnh Lâm Đ làm ăn nhưng vẫn liên hệ với gia đình. Khoảng đầu tháng 9/2011, bà T1 có thông báo với gia đình nhận nuôi 01 bé trai trong bệnh viện để sau này có người chăm sóc lúc tuổi già. Gia đình có hỏi bà T1 nhận nuôi con của ai, địa chỉ thì bà T1 không nói. Sau vài ngày thì bà T1 bế một bé trai về xã Hạ M sinh sống. Bà T1 đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M làm thủ tục khai sinh cho cháu bé. Bà T1 đặt tên cháu là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011. Do bà T1 bị bệnh nên trước khi chết thì bà T1 có thông báo cho bà họ tên, địa chỉ liên lạc của mẹ cháu K. Bà T1 có nhờ bà chăm sóc cháu K và liên lạc, giao cháu K lại cho mẹ cháu K là chị Nguyễn Thị M. Bà T không giao lại bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc cho nhận cháu K. Sau khi bà T1 chết thì bà là người chăm sóc cháu K và liên lạc với chị M đón cháu Khoa về nuôi. Nay bà yêu cầu xác nhận cháu K là con đẻ của chị M, giao cháu K cho chị M nuôi dưỡng.

Người yêu cầu chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Đào Bá Ph, sinh năm 1970 (Đã chết năm 2014), chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh Ph sinh sống cùng nhau có 02 người con là Đào Bá H, Nguyễn Minh K. Chị và anh Ph không đăng ký kết hôn nên sinh cháu H chị lấy họ của anh Ph còn họ tên cha không có. Tháng 9/2011, chị sinh cháu K, giới tính nam, nặng 2,8 kg, sinh thường tại Trung tâm y tế Gi Linh – Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn cảnh điều kiện của chị khó khăn chỉ nuôi được cháu H. Chị biết bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958; địa chỉ: cụm 3, xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội đang sinh sống tại Đà L, tỉnh Lâm Đ có nhu cầu nhận nuôi con nuôi. Chị quyết định cho cháu thứ 2 nay là cháu K làm con nuôi bà T1. Khi vào viện sinh, chị điện thoại cho bà T1 vào viện nhận con. Sau đó, bà T1 vào viện xem mặt cháu K thì chị và bà T1 có viết giấy cho nhận con nuôi. Bà T1 đã cầm giấy tờ và đi làm giấy chứng sinh và các thủ tục khác còn chị không làm bất cứ thủ tục gì ở viện. Sau ba ngày sinh con thì chị đã giao con cho bà T1. Sau đó, chị và bà T1 vẫn thường xuyên trao đổi về việc nuôi dưỡng con, chị được biết bà T1 đặt tên con trai chị là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011; bà T1 và cháu K chuyển về sinh sống ở cụm 3, xã Hạ M, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội nhưng chưa lần nào chị về thăm bà T1, cháu K. Tháng 8/2019, chị nhận được thông tin bà T1 chết. Bà T1 điện thoại cho chị về gặp và giao cháu K cho chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu Tòa án xác nhận mẹ cho con giữa chị với cháu Nguyễn Minh K theo thủ tục pháp luật, đề nghị được nuôi dưỡng cháu K. Quá trình tòa án giải quyết yêu cầu thì chị có đơn đề nghị trưng cầu giám định ADN cho chị và cháu K, chị tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Do điều kiện công việc chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Tại biên bản làm việc ngày 10/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Mỗ cho biết: Căn cứ vào sổ đăng ký khai sinh năm 2011 lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Hạ M thể hiện: Ngày 20/9/2011, bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958 ở cụm 3, xã Hạ M có viết tờ khai đề nghị khai sinh cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011, là con bà T1. Đồng thời bà T1 cung cấp cho Ủy ban nhân dân xã Hạ M sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng sinh tại Trung Tâm y tế Di Linh mang tên Nguyễn Thị T1. Ngoài

ra bà T1 cũng không cung cấp được giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ trên. Bà T1 chết ngày 07/7/2019. Ngày 19/8/2019, Ủy ban nhân dân xã Hạ M cung cấp cho chị M bản sao giấy chứng sinh và giấy khai sinh của cháu Nguyễn Minh K. Nay chị M có đơn yêu cầu xác định mẹ cho con đối với cháu Nguyễn Minh K thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ để giải quyết yêu cầu của chị M.

Tại phiên họp bà T trình bày: Bà là em gái bà T1. Theo nguyện vọng của bà T1 thì bà nuôi dưỡng cháu K từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019. Trong thời gian này bà có liên lạc với chị M là mẹ đẻ cháu K đến đón cháu K về nuôi vì điều kiện hoàn cảnh bà không thể nuôi dưỡng cháu K được. Ngày 26/8/2019, sau khi có kết luận giám định chị M là mẹ đẻ cháu K thì bà đã giao cháu K cho chị M nuôi dưỡng. Để đảm bảo thủ tục pháp lý bà đề nghị xác nhận mẹ cho con giữa chị M và cháu K.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Việc bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị M đều có yêu cầu Tòa án xác định mẹ cho con giữa chị Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Minh K là có căn cứ nên yêu cầu của bà T, chị M cần được chấp nhận. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị M miễn nộp lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị M đều có đơn yêu cầu Tòa án xác định cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011 là con của chị Nguyễn Thị M. Bà T, chị M đều lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng giải quyết việc dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý yêu cầu của bà T, chị M là phù hợp với Điều 29, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự: Chị Nguyễn Thị M, Ủy ban nhân dân xã Hạ M đều có lời trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng chị M, Ủy ban nhân dân xã Hạ M là có căn cứ.

[2]. Xét yêu cầu của bà T và chị M đề nghị Tòa án xác nhận mẹ cho con giữa chị Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011.

Ngày 20/9/2011, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 có đến Ủy ban nhân dân xã Hạ M làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011. Bà T xuất trình các giấy tờ chứng minh cháu K là con đẻ của bà T nên Ủy ban nhân dân xã Hạ M đã khai sinh cho cháu K theo trình tự thủ tục là đúng quy định của pháp luật. Sau đó theo nguyện vọng của bà T1 trước khi chết thì bà T nuôi dưỡng

cháu K đã liên hệ với chị M. Chị M xác nhận cháu K là con đẻ và đề nghị được nuôi dưỡng cháu K. Để có căn cứ pháp lý xác định chị M là mẹ đẻ cháu K nên ngày 20/8/2019, chị M có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định gien của cháu Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị M. Ngày 24/8/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn LOCI ADN kết luận: "Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị M và người có mẫu ADN ký hiệu cháu Nguyễn Minh K có cùng quan hệ huyết thống mẹ - con". Do vậy, yêu cầu của bà T, chị M có căn cứ được chấp nhận và bà T giao cháu K cho chị M nuôi dưỡng là có căn cứ.

[3]. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định gien nên Tòa án chấp nhận.

[4]. Về lệ phí việc dân sự: Yêu cầu của bà T, chị M thuộc trường hợp xác định mẹ cho con chưa thành niên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật hộ tịch; các Điều 29, 39, 361, 370, 371, 372 và Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị M. Xác định chị Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011; nơi sinh: Trạm y tế xã Di Linh – Đ – Lâm Đồng (Theo giấy khai sinh số 162, quyển số 1).

Xác định bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958; nơi cư trú trước khi chết: Cụm 3, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội không phải là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011.

2. Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/9/2011 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị M được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự. Hoàn trả chị Nguyễn Thị M 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014097 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị Tần có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Chị Nguyễn Thị M, Ủy ban nhân dân xã Hạ M có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu